**TUẦN 13** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm, đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện.

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì, bền bỉ.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *Xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, đặt mục tiêu, quản lí thời gian.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

+ Chân dung nhà bác học Xi-ôn-côp-xki.

+ Tranh ảnh về khinh khí cầu, tên lửa, con tàu vũ trụ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Vì thầy giáo chỉ cho cậu vẽ trứng*  *+ Ông trở thành hoạ sĩ nổi tiếng thế giới với nhiều tác phẩm hội hoạ xuất sắc.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Vì sao trong những ngày đầu học vẽ, cậu bé Lê- ô- nác- đô cảm thấy chán ngán?*  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin-xi đã thành công như thế nào?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài  - Cho HS quan sát tranh nhà bác học Xi-ôn-cốp-xki. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: *Từ nhỏ … đến vẫn bay được.*  + Đoạn 2: *Để tìm điều … đến tiết kiệm thôi*.  + Đoạn 3: *Đúng là … đến các vì sao*  + Đoạn 4: *Phần còn lại.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Xi-ôn-cốp-xki,* *rủi ro, non nớt, nảy ra, pháo thăng thiên,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng trang trọng, cảm hứng, ca ngợi, khâm phục.  + Nhấn giọng những từ ngữ: *nhảy quan gãy chân, vì sao, không biết bao nhiêu, hì hục, hàng trăm lần, chinh phục…*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Cho HS quan sát tranh khinh khí cầu |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm, đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Xi-ôn-côp-xki mơ ước được bay lên bầu trời.*  *+ Hình ảnh quả bóng không có cánh mà vẫn bay được đã gợi cho Xi-ôn-côp-xki tìm cách bay vào không trung.*  **- Đoạn 1 nói lên ước mơ của Xi-ôn-cốp-xki.**  *+ Để tìm hiểu bí mật đó, Xi-ôn-côp-xki đã đọc không biết bao nhiêu là sách, ông hì hục làm thí nghiệm có khi đến hàng trăm lần.*  *+ Để thực hiện ước mơ của mình ông đã sống kham khổ, ông đã chỉ ăn bánh mì suông, để dành tiền mua sách vở và dụng cụ thí nghiệm. Sa Hoàng không ủng hộ phát minh bằng khinh khí cầu bay bằng kim loại của ông nhưng ông không nản chí. Ông đã kiên trì nghiên cứu và thiết kế thành công tên lửa nhiều tầng, trở thành phương tiện bay tới các vì sao từ chiếc pháo thăng thiên.*  *+ Xi-ôn-côp-xki thành công vì ông có ước mơ đẹp chinh phục các vì sao, có nghị lực, quyết tâm thực hiện ước mơ.*  \*Ước mơ của Xi-ôn-côp-xki.  \*Người chinh phục các vì sao.  \*Ông tổ của ngành du hành vũ trụ.  \*Quyết tâm chinh phục bầu trời.  **Nội dung**: **Truyện ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-côp-xki, nhờ khổ công nghiên cứu, kiên trì bền bỉ suốt 40 năm đã thực hiện thành công ước mơ lên các vì sao.**  - HS ghi nội dung bài vào vở | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Xi-ôn-côp-xki mơ ước điều gì?*  *+ Theo em hình ảnh nào đã gợi ước muốn tìm cách bay trong không trung của Xi-ôn-côp-xki?*  *+ Đoạn 1 cho em biết điều gì?*  *+ Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-côp-xki đã làm gì?*  *+ Ông kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào?*  *+ Nguyên nhân chính giúp ông thành công là gì*  *+ Em hãy đặt tên khác cho truyện.*  + Nêu nội dung chính của bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 1+2 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nêu các tấm gương về những người bền bỉ theo đuổi ước mơ mà em biết trong cuộc sống. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 1+2, lưu ý phân biệt lời các nhân vật.  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì Xi-ôn-cốp-xki?  - Liên hệ giáo dục: ý chí bền bỉ theo đuổi ước mơ đến cùng  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 61:* GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện thành thạo nhân nhẩm với 11, ứng dụng vào giải toán có lời văn.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia chơi  - Nêu cách tính thuận tiện, cách nhân nhẩm với 10, 100, 1000,... | **1. Khởi động:** *(5p)*  Trò chơi: **Ai nhanh ai đúng**  2 x 134 x 5  42 x 5 x 2  138 x 4 x 25  5 x 9 x 3 x 2  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp  27  x11  27  27  297  *+ Đều bằng 27.*  *+ Số 297 chính là số 27 sau khi được viết thêm tổng hai chữ số của nó (2 + 7 = 9) vào giữa.*  \* 2 cộng 7 = 9  \* Viết 9 vào giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  \* Vậy 27 x 11 = 297  - HS nhẩm vào giấy nháp – Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp- Nêu cách nhẩm  48  x11  48  48  528  *+ Đều bằng 48.*  + 48 x 11 = 528.  - 8 là hàng đơn vị của 48.  - 2 là hàng đơn vị của tổng hai chữ số của 48 (4 + 8 = 12).  - 5 là 4 + 1 với 1 là hang chục của 12 nhớ sang  - 4 công 8 bằng 12.  + Viết 2 vào giữa hai chữ số của 48 được 428.  + Thêm 1 vào 4 của 428 được 528.  + Vậy 48 x 11 = 528.  - HS thực hiện nhẩm cá nhân- chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp- Nêu cách nhân nhẩm. | a. GV viết lên bảng phép tính 27 x 11.  - Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính trên.  *+ Em có nhận xét gì về hai tích riêng của phép nhân trên?*  *+ Em có nhận xét gì về kết quả của phép nhân 27 x 11 = 297 so với số 27? Các chữ số giống và khác nhau ở điểm nào?*  *+ Vậy ta có cách nhân nhẩm 27 với 11 như thế nào?*  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 41 với 11.  ***- GV: Các số 27, 41 đều có tổng hai chữ số nhỏ hơn 10, vậy với trường hợp hai chữ số lớn hơn 10 như các số 48,57, … thì ta thực hiện thế nào?***  b. Viết lên bảng phép tính 48 x 11=?  - Yêu cầu HS áp dụng cách nhân nhẩm đã học trong phần a để nhân nhẩm 11.  - Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính trên.    *+ Em có nhận xét gì về hai tích riêng của phép nhân trên?*  *+ Vậy em hãy dựa vào bước cộng các tích riêng của phép nhân 48 x11 để nhận xét về các chữ số trong kết quả phép nhân*    - Vậy ta có cách nhân nhẩm 48 x 11 như thế nào?    - BT: nhân nhẩm 58 x 11.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Thực hiện thành thạo nhân nhẩm với 11, ứng dụng vào giải toán có lời văn.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp  Đ/a:  34 x 11 = 374  11 x 95 = 1045  82 x 11 = 902  - Đọc đề bài – Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Bài giải  Số hàng cả hai khối lớp xếp được là  17 + 15 = 32 (hàng)  Số học sinh của cả hai khối lớp  11 x 32 = 352 (học sinh)  Đáp số: 352 học sinh  - HS làm vở Tự học - Chia sẻ lớp  Bài 2:  a) X : 11 = 25 b) X : 11 = 78  X = 25 x 11 X = 78 x 11  X = 275 X = 858  Bài 4: Ý đúng: b  - Ghi nhớ cách nhân nhẩm số có 2 chữ số với 11  BT PTNL: Tính giá trị của các biểu thức sau bằng cách thuận tiện:  a. 12 x 11 + 211 x 11 + 11 x 33  b. 132 x 11 - 11 x 32 - 54 x 11 | ***Bài 1: Tính nhẩm.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự nhân nhẩm và ghi kết quả vào vở.  - Củng cố cách nhân nhẩm một số với 11.  ***Bài 3:***  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 2+ 4: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**NƯỚC BỊ Ô NHIỄM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:

+ Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ con người.

+ Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép, chứa các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để xác định được nước sạch và nước bị ô nhiễm

**3. Thái độ**

- Biết cách sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm TNTN..

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm*

*- Trình bày thông tin về nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm*

*- Bình luận, đánh giá về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

***\* BVMT:*** *Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Kính hiển vi, kính lúp theo nhóm (nếu có)

+ Mẫu bảng tiêu chuẩn đánh giá (phô- tô theo nhóm).

- HS: chuẩn bị theo nhóm:

+ Một chai nước sông hay hồ, ao (hoặc nước đã dùng như rửa tay, giặt khăn lau bảng), một chai nước giếng hoặc nước máy.

+ Hai vỏ chai.

+ Hai phễu lọc nước; 2 miếng bông.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nước chiếm phần lớn trọng lượng cơ thể. . .*  *+ Nước được sủ sụng để tưới tiêu trong nông nghiệp. .* . | **1, Khởi động *(4p)***  + Em hãy nêu vai trò của nước đối với đời sống của người, động vật, thực vật?  + Nước có vai trò gì trong sản xuất nông  nghiệp? Lấy ví dụ.  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Hoàn thành sơ dồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và mô tả được vòng tuần hoàn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**    - Báo cáo kết quả chuẩn bị.  + HS đọc nội dung SGK. (T52)  - HS làm việc theo nhóm – Chia sẻ kết quả trước lớp:  + Miếng bông lọc chai nước mưa (máy, giếng) sạch không có màu hay mùi lạ vì nước này sạch.  + Miếng bông lọc chai nước sông (hồ, ao) hay nước đã sử dụng có màu vàng, có nhiều đất, bụi, chất bẩn nhỏ đọng lại vì nước này bẩn, bị ô nhiễm.  *+ Những thực vật, sinh vật em nhìn thấy sống ở ao, (hồ, sông) là: Cá, tôm, cua, ốc, rong, rêu, bọ gậy, cung quăng, …*  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, đưa ra ý kiến.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS nhận phiếu và thảo luận theo nhóm.  **Phiếu học tập.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chuẩn | Nước bị ô nhiễm | Nươc sạch | | 1. Màu |  |  | | 2. Vị |  |  | | 3. Mùi |  |  | | 4. Vi sinh vật |  |  | | 5. Các chất hoà tan |  |  |   - HS sửa chữa phiếu.  *+ Không xả rác xuống ao hồ, sông, ngòi.*  *+ Tuyên truyền, vận động mọi người cùng giữ gìn, bảo vệ môi trường....*  *+ Nước bị ô nhiễm làm cho bầu không khí cũng ô nhiễm do bị mùi hôi thối của nước bốc lên.*  - Vẽ và trưng bày tranh về ô nhiễm nguồn nước và tác hại của ô nhiễm nguồn nước. | **HĐ1: Tìm hiểu một số đặc điểm của nước trong tự nhiên**:  - Đề nghị các nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm mình.  - Yêu cầu HS đọc SGK, quan sát và thực hành.  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  *+ Qua thí nghiệm chứng tỏ nước sông hay hồ, ao hoặc nước đã sử dụng thường bẩn, có nhiều tạp chất như cát, đất, bụi, … nhưng ở sông, (hồ, ao) còn có những thực vật hoặc sinh vật nào sống?*  ***GV: Đó là những thực vật, sinh vật mà bằng mắt thường chúng ta nhìn thấy, còn có những sinh vật mà mắt thường không thể nhìn thấy. Với kính lúp chúng ta sẽ biết được những điều lạ ở nước sông, hồ, ao.***  - Yêu cầu 3 HS quan sát nước ao, (hồ, sông) qua kính hiển vi.  - Yêu cầu từng em đưa ra những gì em nhìn thấy trong nước đó.  **HĐ2: Tiêu chuẩn đánh giá nước bị ô nhiễm và nước sạch:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  Phiếu có kết quả đúng là:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chuẩn | Nước bị ô nhiễm | Nước sạch | | 1. Màu | Có màu, vẩn đục | Không màu, trong suốt | | 2. Vị |  | Không vị | | 3. Mùi | Có mùi hôi |  | | 4. Vi sinh vật | Nhiều quá mức cho phép | Không có hoặc ít không đủ gây hại | | 5. Các chất hoà tan | Chứa các chất hoà tan có hại cho SK | Không có hoặc co ù. . . |   **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  *+ Cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?*  *+ Nguồn nước ô nhiễm có ảnh hưởng tới không khí không?*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a, BT3a phân biệt l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về nhà bác học người Nga Xi-ôn-côp-xki.*  *+ ....đọc không biết bao nhiêu là sách, hì hục làm thí nghiệm hàng trăm lần, tiết kiệm tiền mua sách và dụng cụ thí nghiệm.*  *-* HS nêu từ khó viết*: Xi-ôn-côp-xki, dại dột, cửa sổ, rủi ro, non nớt, thí nghiệm,…*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì theo đuổi ước mơ như thế nào?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV  Đáp án:  *Có hai tiếng đều bắt đầu bằng* ***l****: Lỏng lẻo, long lanh, lóng lánh, lung linh, lơ lửng, lấp lửng, lập lờ, lặng lẽ, lững lờ, lấm láp, lọ lem, lộng lẫy, lớn lao, lố lăng, lộ liễu….*  *-Có hai tiếng bắt đầu bằng* ***n****: Nóng nảy, nặng nề, não nùng, năng nổ, no nê, non nớt, nõn nà, nông nổi, náo nức, nô nức,*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án:  a. nản chí  b. lí tưởng  c. lạc đường  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Đặt câu với 1 từ láy em tìm được ở bài 2a. | **Bài 2a:** Tìm các từ láy  - GV tổ chức trò chơi ***Tiếp sức*** giữa các tổ  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS  **Bài 3a**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 62:* NHÂN VỚI SỐ CÓ 3 CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có ba chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện nhân được với số có 3 chữ số và vận dụng giải các bài toán liên quan.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2-Chia sẻ lớp  164 x 123  = 164 x (100 + 20 + 3)  = 164 x 100 + 164 x 20 + 164 x 3  = 1640 + 3280 + 492 = 20172. | **1. Khởi động *(5p)***  - Áp dụng tính chất một số nhân một tổng tính:  164 x 123 =?  - GV chữa bài, nhận xét, khen/ động viên.  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có 3 chữ số  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| *+ Thực hiện 3 phép nhân là 164 x100, 164 x 20 và 164 x 3, sau đó thực hiện một phép cộng 3 số*  *16 400 + 3280 + 492 = 20 172*  - HS chia sẻ cách đặt tính – HS thực hiện phép tính - Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  164  x123  492  328  164  20172  *+ Lần lượt nhân từng chữ số của 123 x164 theo thứ tự từ phải sang trái*  *+Tích riêng thứ hai viết lùi sang bên trái 1 cột vì nó là 328 chục, nếu viết đầy đủ là 3 280. Tích riêng thứ ba viết lùi sang bên trái hai cột vì nó là 164 trăm, nếu viết đầy đủ là 16 400.* | - GV viết lại phép tính phần kiểm tra bài cũ: 164 x 23  - GV nêu vấn đề: *Để tính 164 x123, theo cách tính trên chúng ta phải thực hiện mấy phép tính?*  - Để tránh thực hiện nhiều bước tính như trên, người ta tiến hành đặt tính và thực hiện tínnh nhân theo cột dọc. Dựa vào cách đặt tính nhân với số có hai chữ số, bạn nào có thể đặt tính 164 x 123?  *+ Hãy nêu cách thực hiện phép tính.*  - GV giới thiệu:  \* 492 gọi là tích riêng thứ nhất.  \* 328 gọi là tích riêng thứ hai.  \*164 gọi là tích riêng thứ ba  *+ Nêu cách viết các tích riêng*  - GV chốt cách đặt tính, thực hiện phép tính và cách viết các tích riêng. |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Nhân được với số có 3 chữ số và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | |
| - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  a. 248 b. 1163 c. 3124  x x x  321 125 213  - HS làm cá nhân- Chia sẻ lớp  Đáp án:  Bài giải  Diện tích của mảnh vuờn là  125 x 125 = 15625 (m2)  Đáp số: 15625 m2  **-** HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  - Ghi nhớ cách nhân với số có 3 chữ số.  BT PTNL: (M3+M4) Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 456m, chiều dài hơn chiều rộng là 24m. Tính diện tích của khu đất đó? | ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có 3 chữ số.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2 cách đặt tính và thực hiện phép tính.  **Bài 3**  - Gọi HS đọc đề bài,  - GV chữa, nhận xét, đánh giá một số bài trong vở của HS.  - Củng cố cách tính diện tích hình vuông  **Bài 2 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **-**  GV lưu ý HS phép nhân: 262 x 130 (lần nhân thứ nhất là nhân với chữ số 0 nên ta chỉ cần viết 2 tích riêng)  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**CuỘc Kháng ChiẾn ChỐng Quân TỐng**

**Xâm LưỢc LẦN THỨ HAi (1075 – 1077)**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được vài nét về công lao Lý Thường Kiệt: người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai thắng lợi.

- Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

+ Lý Thường Kiệt chủ động xây dựng phòng tuyến trên bờ nam sông Như Nguyệt.

+ Quân địch do Quách Quý chỉ huy từ bờ bắc tổ chức tiến công.

+ Lý Thường Kiệt chỉ huy quân ta bất ngờ đánh thẳng vào doanh trại giặc.

+ Quân địch không chống cự nổi, tìm đường tháo chạy.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào lược đồ, kể lại được cuộc chiến đấu bảo vệ phòng tuyến phía Nam sông Như Nguyệt.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ tôn trọng, tự hào với truyền thống lịch sử lâu đời của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập của HS.

+ Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân tống lần thứ hai.

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Đạo Phật dạy người ta phải biết thương yêu đồng loại, biết nhường nhịn nhau,. . . Những điều này phù hợp với lối sống và cách nghĩ của người Việt,. . .*  *+ Chùa thời Lý là nơi tu hành của các nhà sư, là nơi tế lễ. . .* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+Vì sao đến thời Lý đạo Phật trở nên thịnh đạt nhất?*    *+ Thời Lý chùa được sử dụng vào việc gì.*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Hiểu được vài nét về công lao Lý Thường Kiệt: người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai thắng lợi. Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp***  \****Giới thiệu bài****:*  Sau lần thất bại đầu tiên của cuộc tiến công xâm lược nước ta lần thứ nhất năm 981, nhà Tống luôn ấp ủ âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Năm 1072, vua Lý Thánh Tông từ trần, vua Lý Nhân Tông lên ngôi khi mới 7 tuổi, nhà Tống coi đó là cơ hội tốt, liền xúc tiến việc chuẩn bị xâm lược nước ta. Trong hoàn cảnh đó ai sẽ là người lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ 2 diễn ra thế nào? ... | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  **-** HS đọcSGK đoạn: “*Năm 1072 … rồi rút về*”.    - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp  + Ý kiến thứ hai đúng: Vì, trước đó lợi dụng việc vua Lý mới lên ngôi còn nhỏ quá, quân Tống đã chuẩn bị xâm lược: Lý Thường Kiệt cho quân đánh sang đất Tống, triệt phá nơi tập trung quân lương của giặc rồi kéo về nước.  **Nhóm 4- Lớp**  - Thảo luận- Chia se dưới sự điều hành của TBHT.  *+ Ông chủ động cho xây dựng phòng tuyến trên bờ phía nam sông Như Nguyệt (một khúc sông Cầu)*  *+ Cuối năm 1076, nhà Tống cho 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn dân phụ, dưới sự chỉ huy của tướng Quách Quỳ. . .*  *+ Trận quyết chiến giữa ta và giặc diễn ra ở phòng tuyến sông Như Nguyệt. Quân giặc ở bờ Bắc, quân ta ở phía Nam.*  - HS thuật lại. (có thể dùng lược đồ)  **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc.  *+ Quân tống bị chết quá nửa,. . . Ta thắng lợi hoàn toàn.*  - HS nối tiếp nêu ý kiến  - Nghe  *+ Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ 2 đã kết thúc thắng lợi vẻ vang, nền độc lập của nước nhà được giữ vững.*  - Ghi nhớ nội dung bài học  - Kể chuyện lịch sử vể Lí Thường Kiệt. | **HĐ1: Nguyên nhân của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống**  - GV đặt vấn đề cho HS thảo luận: Việc Lý Thường Kiệt cho quân sang đất Tống có hai ý kiến khác nhau:  + Để xâm lược nước Tống.  + Để phá âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống.  - Căn cứ vào đoạn vừa đọc, theo em ý kiến nào đúng? Vì sao?  -GV kết luận.  **Hoạt động2: Diễn biến của của cuộc kháng chiến.**  - GV yêu cầu đọc thông tin SGK và thảo luận các câu hỏi:  *+ Lý Thường Kiệt đã làm gì để chuẩn bị chiến đấu với giặc?*  *+ Quân Tống kéo sang xâm lược nước ta vào thời gian nào? Lực lượng của quân Tống khi sang xâm lược nước ta như thế nào? Do ai chỉ huy?*  *+ Trận quyết chiến giữa ta và giặc diễn ra ở đâu? Nêu vị trí quân giặc và quân ta trong trận này?*  *+ Kể lại trận quyết chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt?*  - GV nhận xét, kết luận  **Hoạt động 3: Kết quả và ý nghĩa:**  - GV cho HS đọc SGK từ sau hơn 3 tháng …. được giữ vững.  *+ Nêu kết quả của cuộc kháng chiến?*    - GV đặt vấn đề: Nguyên nhân nào dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến?  - GV: ***Nguyên nhân thắng lợi là do quân dân ta rất dũng cảm. Lý Thường Kiệt là một tướng tài (chủ động tấn công sang đất Tống; Lập phòng tuyến sông Như Nguyệt).***  *+ Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến?*  ***- GV: Có được thắng lợi ấy là vì nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm đánh giặc, bên cạnh đó lại có sự lãnh đạo tài giỏi của Lý Thường Kiệt.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người;

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết tìm từ (BT1), đặt câu (BT2), viết đoạn văn ngắn (BT3) có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 4 phiếu nhóm, bút dạ, bảng phụ

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp nhận xét, trả lời  *+ Có 3 cách: thêm vào trước tính từ các từ: rất, quá ,lắm; tạo từ ghép, từ láy từ tính từ đã cho; sử dụng phép so sánh.*  *+ rất trắng, quá xấu, trăng trắng, xấu xí, xấu như ma, trắng như vôi,....* | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Có mấy cách để biểu thị mức độ của đăc điểm, tính chất?*  *+ Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ của các đặc điểm, tính chất sau: trắng, xấu.*  - GV nhận xet, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; Bước đầu biết tìm từ, đặt câu, viết đoạn văn ngắn có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 2-Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc  Đ/a:  ***a.* Nói lên ý chí, nghị lực của con người:**  *Quyết chí, quyết tâm, bền gan, bền chí, bền lòng, kiên nhẫn, kiên trì, kiên nghị, kiên tâm, kiên cường, kiên quyết, vững tâm, vững chí, vững dạ, vững lòng,…*  **b. Các từ nói lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người.**  *Khó khăn, gian khó, gian khổ, gian nan, gian lao, gian truân, thử thách, thách thức, chông gai,…*  **Cá nhân –Chia sẻ lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - Hs tự hoàn thành bài tập sau đó đọc từng câu.- HS khác nhận xét  VD:  + Người thành đạt đều là người rất biết bền chí trong sự nghiệp của mình.  + Mỗi lần vượt qua được gian khó là mỗi lần con người được trưởng thành.  **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu: Viết về một người do có ý chí nghị lực vươn lên để vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.  +*một người do có ý chí nghị lực vươn lên để vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.*  \* Đó là bác hàng xóm nhà em.  \*Đó chính là ông nội em.  \*Em biết khi xem ti vi.  \*Em biết ở báo Thiếu niên Tiền phong.  - HS viết bài và đọc trước lớp  - Lớp nhận xét, chữa bài.  - Ghi nhớ các từ ngữ thuộc chủ điểm  - Tìm thêm các thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điểm | **Bài 1: *Bài 1: Tìm các từ:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV phát phiếu học tập  - Kết luận, chốt đáp án, cùng HS giải nghĩa một số từ: quyết chí, kiên nhẫn, gian truân, thách thức (sử dụng từ điển)  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Nhận xét, sửa sai, khen/ động viên.    \* Giúp đõ hs M1+M2 đặt câu hoàn chỉnh.  - Chốt lại hình thức và nội dung của câu  ***Bài 3***:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Đoạn văn yêu cầu viết về nội dung gì?*  *+ Bằng cách nào em biết được người đó?*    - Gọi HS trình bày đoạn văn.  - GV nhận xét, chữa lỗi dùng từ, đặt câu (nếu có) cho từng HS.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 63:* NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép nhân với số có ba chữ số và vận dụng giải được các bài toán liên quan.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp làm bài, nhận xét  258  x 203  774  000  1516  152374 | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - Đặt tính rồi tính: *258 x 203*  - GV nhận xét, đánh giá chung |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Lớp** | |
| *+ Tích riêng thứ hai toàn gồm những chữ số 0.*  *+ Không, vì bất cứ số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó.*  - HS quan sát, lắng nghe  *+ Khi viết tích riêng thứ ba 1516 phải lùi sang trái hai cột so với tích riêng thứ nhất.*  - HS thực hiện cá nhân vào nháp | - GV viết lại phép nhân ở phần bài cũ lên bảng. (giữ kết quả HS thực hiện)  *258 x 203 =*  \* Ta có: 258  x 203  774  000  1516  152374  *+ Em có nhận xét gì về tích riêng thứ hai của phép nhân 258 x 203*  *+ Vậy nó có ảnh hưởng đến việc cộng các tích riêng không?*  - Vì tích riêng thứ hai gồm toàn chữ số 0 nên khi thực hiện đặt tính 258 x 203 chúng ta không thể viết tích riêng này. Khi đó ta viết như sau:  258  x 203  774  1516  152374  *+ Cần lưu ý gì khi viết tích riêng thứ ba ?*  - Cho HS thực hiện đặt tính và tính lại phép nhân 258 x 203 theo cách viết gọn.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành (**18 phút)  **\* Mục tiêu:** HS thực hiện nhân thành thạo với số có 3 chữ số mà chữ số hàng chục là 0. Vận dụng giải toán  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp.**  - Thực hiện theo YC của GV  - HS làm cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đ/a: phần a  523  x 305  2615  1569  159515  - HS làm cá nhân – Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  - Hai cách thực hiện đầu là sai, cách thực hiện thứ ba là đúng.    - HS làm vào vở Tự học - Chia sẻ lớp  Bài giải  Một con gà ăn trong 10 ngày hết số thức ăn là: 104 x 10 = 1040 (g)  375 con gà ăn trong 10 ngày hết số thức ăn là: 375 x 1040 = 390 000 (g)  Đổi : 390 000 g = 390 kg  Đáp số: 390 kg  - Làm các bài tập trong VBT  \* Bài tập PTNL HS:(M3+M4)  1. Tính giá trị biểu thức sau:  a. 458 x 105 + 324 x 105  b. 457 x 207 - 207 x 386 | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án. Với phần b có thể y/c HS vận dụng tính chất giao hoán để viết 308 x 563 = 563 x 308 để đặt tính và tính cho ngắn gọn  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính...  ***Bài 2:*** *Đúng ghi Đ, sai ghi S*  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt kết quả.  **Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Lưu ý HS có thể giải cách ngắn gọn hơn  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**HIẾU THẢOVỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.

**2. Kĩ năng**

- Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng hiếu thảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS:*** *- Xác định giá trị tình cảm của ông bà, cha mẹ dành cho con cháu*

*- Lắng nghe lời dạy của ông bà cha mẹ*

*- Thể hiện tình cảm yêu thương của mình với ông bà, cha mẹ*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)*  - Lớp hát bài: Cả nhà thương nhau |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Thể hiện lòng biết ơn với ông bà, cha mẹ bằng những việc làm cụ thể  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS nhóm lớn chia thành nhóm nhỏ, hoạt động nhóm, đóng vai.  - Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.  - Các nhóm lên đóng vai.  - Thảo luận và nhận xét về cách ứng xử  - HS tham gia đóng vai trả lời câu hỏi.  - Lớp nhận xét về cách ứng xử.  - Lắng nghe.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp  **Cá nhân – Lớp**  - HS hoạt động cá nhân trình bày.  - Lớp nhận xét.  - Thực hiện những việc cụ thể hằng ngày để bày tỏ lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ.  - Xây dựng 1 kịch bản thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ | **HĐ1: Đóng vai bài tập 3- SGK/19**:  - GV chia 2 nhóm lớn và giao nhiệm vụ cho từng nhóm  🟇Nhóm 1: Thảo luận, đóng vai theo tình huống tranh 1.  🟇Nhóm 2: Thảo luận và đóng vai theo tình huống tranh 2.  - GV phỏng vấn HS đóng vai cháu về cách ứng xử, HS đóng vai ông bà về cảm xúc khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của con cháu.  ***\* KL: Con cháu hiếu thảo cần phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ, nhất là khi ông bà già yếu, ốm đau.***  **HĐ2: Những việc làm cụ thể thể hiện lòng hiếu thảo** (BT4- T/20)  - GV nêu yêu cầu bài tập 4.  + Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm về những việc đã làm và sẽ làm để thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  - GV khen những HS đã biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và nhắc nhở các HS khác học tập các bạn.  **HĐ3: Trình bày, giới thiệu các sáng tác hoặc tư liệu sưu tầm được:**  (Bài tập 5 và 6 - T/20)  - GV mời HS trình bày trước lớp.  - GV kết luận chung:  + Ông bà, cha mẹ đã có công sinh thành, nuôi dạy chúng ta nên người.  + Con cháu phải có bổn phận hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**LUYỆN TẬP: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- HS kể lại được câu chuyện, đoạn truyện mà mình đã nghe, đã đọc về 1 người có ý chí, có nghị lực vươn lên trong cuộc sống

- Biết trao đổi với bạn để nắm được ý nghĩa câu chuyện

**3. Thái độ**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm các truyện có nội dung nói về một người có nghị lực.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(8p)*  **\* Mục tiêu:** Chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS đọc đề.  - HS phân tích đề bài, dùng phấn màu gạch các từ: *được nghe, được đọc, có ý chí, nghị lực.*  - Lần lượt HS giới thiệu truyện.  *+ Bác Hồ trong truyện Hai bàn tay.*  *+ Bạch Thái Bưởi trong câu chuyện vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi.*  *+ Lê Duy Ứng trong truyện Người chiến sĩ giàu nghị lực.*  *+ Đặng Văn Ngữ trong truyện Người trí thức yêu nước.*  *+ Ngu Công trong truyện Ngu Công dời núi.*  *+ Nguyễn Ngọc Kí trong truyện Bàn chân kì diệu.* | **\* Hướng dẫn HS kể chuyện:**  *Đề bài: Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có ý chí, nghị lực.*  - Gọi HS giới thiệu những chuyện em đã được đọc, được nghe về người có nghị lực và nhận xét, tránh HS lạc đề về người có ước mơ đẹp. Khuyến khích HS kể chuyện ngoài SGK |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần giới thiệu tên truyện, tên nhân vật mình định kể.  + Kể những chi tiết làm nổi rõ ý chí nghị lực của nhân vật.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  + Ý nghĩa câu chuyện:  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**THÊU MÓC XÍCH** (Tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích.

**2. Kĩ năng**

- Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm vòng móc xích. Đường thêu có thể bị rúm

\* Với HS khéo tay:

+ Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất tám vòng móc xích và đường thêu ít bị dúm.

+ Có thể ứng dụng thêu móc xích để tạo thành sản phẩm đơn giản.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh quy trình thêu móc xích.

+ Mẫu thêu móc xích được thêu bằng len (hoặc sợi) trên bìa, vải khác màu có kích thước đủ lớn (chiều dài đủ thêu khoảng 2 cm) và một số sản phẩm được thêu trang trí bằng mũi thêu móc xích.

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu, có kích thước 20 cm x 30cm.

+ Len, chỉ thêu khác màu vải.

+ Kim khâu len và kim thêu.

+ Phấn vạch, thước, kéo.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích. Thêu được mũi thêu móc xích.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  - HS quan sát mẫu và H. 1 SGK.  *+ Mặt phải của đường thêu là những vòng chỉ nhỏ nhỏ móc nối tiếp nhau giống như chuỗi mắt xích (của sợi dây chuyền).*  *+ Mặt trái đường thêu là những mũi chỉ bằng nhau, nối tiếp nhau gần giống các mũi khâu đột mau.*  *+ Dùng thêu trang trí hoa, lá, cảnh vật, lên cổ áo, ngực áo, vỏ gối, khăn …*  - Quan sát  *+ Thêu từ phải sang trái. . . .*  *+ Vòng sợi chỉ qua đường dấu để tạo thành vòng chỉ. Xuống kim tại điểm 1, lên kim tại điểm 2,. . .*  - Quan sát  *+ Đưa mũi kim ra ngoài mũi thêu và xuống kim, rút chỉ ra mặt sau. . .*  - HS tập thêu móc xích trên giấy  - HS thực hành thêu tại nhà.  - Tạo sản phẩm từ thêu móc xích | **HĐ1: Quan sát và nhận xét mẫu.**  - GV giới thiệu mẫu thêu, hướng dẫn HS quan sát hai mặt của đường thêu móc xích mẫu với quan sát H. 1 SGK để nêu nhận xét và trả lời câu hỏi:  *+ Nhận xét đặc điểm của đường thêu móc xích?*    ***\* GV: Thêu móc xích hay còn gọi thêu dây chuyền là cách thêu để tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp nhau giống như chuỗi mắt xích.***  - GV giới thiệu một số sản phẩm thêu móc xích và hỏi:  *+ Thêu móc xích được ứng dụng vào đâu?*  - GV nhận xét và kết luận (dùng thêu trang trí hoa, lá, cảnh vật, lên cổ áo, ngực áo, vỏ gối, khăn …). Thêu móc xích thường được kết hợp với thêu lướt vặn và 1 số kiểu thêu khác.  **HĐ2: GV hướng dẫn thao tác kỹ thuật*.***  - GV treo tranh quy trình thêu móc xích hướng dẫn HS quan sát của H2, SGK.  *+ Em hãy nêu cách bắt đầu thêu?*  *+ Nêu cách thêu mũi móc xích thứ nhất, thứ hai,*    *-* GV hướng dẫn cách thêu SGK.  - GV hướng dẫn HS quan sát H. 4a, b, SGK.  *+ Cách kết thúc đường thêu móc xích?*  - Hướng dẫn HS các thao tác kết thúc đường thêu móc xích theo SGK.  \*GV lưu ý một số điểm:  + Theo từ phải sang trái.  + Mỗi mũi thêu được bắt đầu bằng cách đánh thành vòng chỉ qua đường dấu.  + Lên kim xuống kim đúng vào các điểm trên đường dấu.  + Không rút chỉ chặt quá, lỏng quá.  + Kết thúc đường thêu móc xích bắng cách đưa mũi kim ra ngoài mũi thêu để xuống kim chặn vòng chỉ rút kim mặt sau của vải. . .  + Có thể sử dụng khung thêu để thêu cho phẳng.  - Hướng dẫn HS thực hiện các thao tác thêu và kết thúc đường thêu móc xích.  - GV tổ chức HS tập thêu móc xích.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VĂN HAY CHỮ TỐT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 129/SGK (phóng to)

+ Một số vở sạch chữ đẹp của HS trong lớp, trường.

+ Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn cần luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  *+ Xi- ôn- cốp- xki mơ ước được bay lên bầu trời.*  *+ Ông có ước mơ chinh phục các vì sao, có nghị lực, quyết tâm thực hiện ước mơ.* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+*  Hs đọc bài “ Người tìm đường. . . ”  *+ Xi- ôn- cốp- xki mơ ước điều gì?*  *+ Nguyên nhân chính giúp Xi- ô- cốp- xki thành công là gì?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: Thuở đi học…đến xin sẵn lòng.  + Đoạn 2: Lá đơn viết…đến sau cho đẹp  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*oan uổng, lĩ lẽ, rõ ràng, luyện viết,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng kết hợp đọc câu dài: Thưở còn đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay **/** vẫn bị thầy cho điểm kém.  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng từ tốn. Giọng bà cụ khẩn khoản, giọng Cáo Bá Quát vui vẻ, xởi lởi. Đoạn đầu đọc chậm. Đoạn cuối bài đọc nhanh thể hiện ý chí quyết tâm rèn chữ bằng được của Cao Bá Quát. Hai câu cuối đọc với cảm hứng ca ngợi sảng khoái.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND bài Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát, trả lời được các câu hỏi trong SGK  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Cao Bá Quát thường bị điểm kém vì ông viết chữ rất xấu dù bài văn của ông viết rất hay.*  *+ Lá đơn của Cao Bá Quát vì chữ viết quá xấu, quan không đọc được nên quan thét lính đuổi bà cụ về, khiến bà cụ không giải được nỗi oan.*  *+ Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi tối, ông viết xong 10 trang vở mới đi ngủ, mượn những quyển sách chữ viết đẹp để làm mẫu, luyện viết liên tục trong mấy năm trời.*  *+ Ông là người rất kiên trì, nhẫn nại khi làm việc.*  *+ Nguyên nhân khiến Cao Bá Quát nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt là nhờ ông kiên trì luyện tập suốt mười mấy năm và năng khiếu viết văn từ nhỏ.*  **- Nội dung: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát.**  - HS ghi lại nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc 4 câu hỏi cuối bài.  *+ Vì sao thuở đi học Cao Bá Quát thường xuyên bị điểm kém?*  *+ Sự việc gì xảy ra đã làm Cao Bá Quát ân hận?*  *+ Cao Bá Quát quyết chí luyện viết chữ như thế nào?*  *+ Qua việc luyện viết chữ em thấy Cao Bá Quát là người như thế nào?*  *+ Theo em nguyên nhân nào khiến ông Cao Bá Quát nổi danh là văn hay, chữ tốt?*  *- Nội dung của bài?* |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm và kể các câu chuyện về Cao Bá Quát. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu đọc phân vai đoạn 1  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì từ Cao Bá Quát?  - Liên hệ, giáo dục ý chí rèn chữ viết và ý chí kiên trì.  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 64:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép nhân với số có 2, 3 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.

- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3, bài 5 (a).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số. Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành:** | | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  345 237 403  x  x  x  200 24 346  69000 948 2418  474 1612  5688 1209  139438  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm theo cặp đôi – Chia sẻ lớp  a. 142 x 12 + 142 x 18  = 142 x (12+ 18)  = 142 x 30 = 4260  b. 49 x 365- 39 x 365  = (49 – 29) x 365  = 10 x 365 = 3650  c. 4 x 18 x 25  = 4 x 25 x 18  = 100 x 18 = 180  *+ Dựa vào tính chất nhân một số với một tổng (hiệu)*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a)Với a = 12cm, b = 5cm thì: S = 12 x 5 = 60 (cm2)  Với a = 12cm, b = 5cm thì: S = 15 x 10 = 150 (cm2)  b) Nếu chiều dài a gấp lên 2 lần thì chiều dài mới là a x 2 và diện tích hình chữ nhật mới là:  a x 2 x b = 2 x a x b = 2 x (a x b)= 2 x S  Vậy khi chiều dài gấp lên 2 lần và giữ nguyên chiều rộng thì diện tích hình chữ nhật gấp lên 2 lần.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bải 2: Đáp án:  a. 95 + 11 x 206 = 95 + 2266  = 2361  b. 95 x 11 + 206 = 1045 + 206  = 1251  c. 95 x 11 x 206 = 1045 x 206  = 215 270  Bài 4: Bài giải  Nhà trường phải trả số tiền là:  32 x 8 x 3500 = 896 000 (đồng)  Đáp số: 896 000 đồng  - Ghi nhớ các KT được luyện tập trong tiết học  BT PTNL: Tính bằng cách thuận tiện nhất:  a. 245 x 11 + 11 x 365  b. 78 x 75 + 78 x 89 + 75 x 123  c. 2 x 250 x 50 x 8 | | ***Bài 1: Tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai, ba chữ số.  ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chốt đáp án.  *+ Dựa vào tính chất nào ta tính được thuận tiện?*  ***Bài 5a (HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chữa một số bài, nhận xét chung.  **Bài 2+ Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách tính giá trị biểu thức, nhân nhẩm số có 2 chữ số với 11  - Củng cố cách thực hiện phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**TRẢ BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả)

**2. Kĩ năng**

- HS biết nhận ra lỗi mắc phải khi viết văn và sửa được lỗi

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác chữa lỗi sai

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn nột số lỗi về: Chính tả, cách dùng từ, cách diễn đạt, ngữ pháp cần chữa chung cho cả lớp

- HS: SBT, vở viết văn

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện. HS biết nhận ra lỗi mắc phải khi viết văn và sửa được lỗi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| - 1 HS đọc: Kể 1 câu chuyện em đã nghe, đã đọc về lòng nhân hậu  - HS lắng nghe  - Lắng nghe  - HS nhận bài  - HS thảo luận phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi.  - 3 đến 5 HS đọc.  - HS tự chọn đoạn văn cần viết.  - Ghi nhớ các lỗi sai và có ý thức không lặp lại các lỗi sai đó  - Chia sẻ đoạn văn đã viết lại và nêu được những sáng tạo của mình trong đoạn văn. | **HĐ1: Nhận xét chung bài làm**  - Gọi HS đọc lại đề bài.  - Nhận xét chung:  \*Ưu điểm  - HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề.  + Dùng đại từ nhân xưng trong bài có nhất quán (với các đề kể lại theo lời 1 nhân vật trong truyện)  - Diễn đạt câu, ý.  + Sự việc, cốt truyện liên kết giữa các phần.  + Thể hiện sự sáng tạo khi kể theo lời nhân vật.  + Chính tả, hình thức trình bày bài văn  - GV nêu tên những HS viết đúng yêu cầu của đề bài, lời kể hấp dẫn, sinh động, có sự liên kết giữa các phần; mở bài, thân bài, kết bài hay.  \*Khuyết điểm  - GV nêu các lỗi điển hình về ý, về dùng từ*,* đặt câu, đại từ nhân xưng, cách trình bày bài văn, chính tả…  + Viết trên bảng phụ các lỗi phổ biến.  - Lưu ý: Không nêu tên những HS bị mắc các lỗi trên trước lớp.  - Trả bài cho HS.  **HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*:***  - Yêu cầu HS tự chữa bài của mình bằng cách trao đổi với bạn bên cạnh.  - GV đi giúp đỡ những HS M1+M2.  **HĐ3: Học tập những đoạn văn hay, bài văn tốt:**  - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn hay, bài được điểm cao đọc cho các bạn nghe. Sau mỗi HS đọc, GV hỏi để HS tìm ra: cách dùng từ, lối diễn đạt, ý hay,…  \* Tuyên dương hs M3+M4  **HĐ4. Hướng dẫn viết lại một đoạn văn:**  - Gợi ý HS viết lại đoạn văn khi:  + Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả.  + Đoạn văn lủng củng, diễn đạt chưa rõ ý.  + Đoạn văn dùng từ chưa hay.  + Đoạn văn viết đơn giản, câu văn ngắn.  + MB trực tiếp viết lại thành mở bài gián tiếp.  + KB không mở rộng viết thành KB mở rộng.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NGUYÊN NHÂN LÀM NƯỚC BỊ Ô NHIỄM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước:

+ Xả rác, phân, nước thải bừa bãi,…

+ Sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu.

+ Khói bụi và khí thải từ nhà máy, xe cộ,…

+ Vỡ đường ống dẫn dầu,…

- Nêu được tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khoẻ con người: lan truyền nhiều bệnh, 80% các bệnh là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được các nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm*

*- Trình bày thông tin về nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm*

*- Bình luận, đánh giá về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

***\* BVMT:*** *Ô nhiễm nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trong SGK trang 54, 55 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Nước sạch là nước trong suốt, không màu,...*  *+ Nước bị ô nhiễm là nước có màu, có chất bẩn,..* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Thế nào là nước sạch?*  *+ Thế nào là nước bị ô nhiễm?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước. Tác hại của việc sử dụng nước bị ô nhiễm  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**      + ***Hình 1***: Hình vẽ nước chảy từ nhà máy không qua xử lý xuống sông. Nước sông có màu đen, bẩn. Nước thải chảy ra sông làm ô nhiễm nước sông, ảnh hưởng đến con người và cây trồng.  + ***Hình 2***: Hình vẽ một ống nước sạch bị vỡ, các chất bẩn chui vào ống nước, chảy đến các gia đình có lẫn các chất bẩn. Nước đó đã bị bẩn. Điều đó làm nguồn nước sạch bị nhiễm bẩn.  + ***Hình 3***: Hình vẽ một con tàu bị đắm trên biển. Dầu tràn ra mặt biển. Nước biển chỗ đó có màu đen. Điều đó dẫn đến ô nhiễm nước biển.  + ***Hình 4***: Hình vẽ hai người lớn đang đổ rác, chất thải xuống sông và một người đang giặt quần áo. Việc làm đó sẽ làm cho nước sông bị nhiễm bẩn, bốc mùi hôi thối.  + ***Hình 5***: Hình vẽ một bác nông dân đang bón phân hoá học cho rau. Việc làm đó sẽ gây ô nhiễm đất và mạch nước ngầm.  + ***Hình 6***: Hình vẽ một người đang phun thuốc trừ sâu cho lúa. Việc làm đó gây ô nhiễm nước.  + ***Hình 7***: Hình vẽ khí thải không qua xử lí từ các nhà máy thải ra ngoài. Việc làm đó gây ra ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước mưa.  + ***Hình 8***: Hình vẽ khí thải từ các nhà máy làm ô nhiễm nước mưa. Chất thải từ nhà máy, bãi rác hay sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm xuống mạch nước ngầm làm ô nhiễm mạch nước ngầm.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm là môi trường tốt để các loại vi sinh vật sống như: rong, rêu, tảo, bọ gậy, ruồi, muỗi, … Chúng phát triển và là nguyên nhân gây bệnh và lây lan các bệnh: Tả, lị, thương hàn, tiêu chảy, bại liệt, viêm gan, đau mắt hột, …*  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS nêu  - Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương  - Vẽ tranh cổ động, tuyên truyền bảo vệ nguồn nước. | **1. Tìm hiểu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nước.**  - Yêu câu HS các nhóm quan sát các hình minh hoạ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trang 54 / SGK,  1. Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? Theo em, việc làm đó sẽ gây ra điều gì?  - GV theo dõi câu trả lời của các nhóm để nhận xét, tổng hợp ý kiến.  ***\* Kết luận: Có rất nhiều việc làm của con người gây ô nhiễm nguồn nước. Nước rất qua trọng đối với đời sống con người, thực vật và động vật, do đó chúng ta cần hạn chế những việc làm có thể gây ô nhiễm nguồn nước.***  **HĐ2: Thảo luận về tác hại của sự ô nhiễm nước:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với cuộc sống của con người, động vật và thực vật?*  ***GV: Nguồn nước bị ô nhiễm gây hại cho sức khỏe con người, TV, ĐV. Đó là môi trường để các vi sinh vật có hại sinh sống. Chúng là nguyên nhân gây bệnh và lây bệnh chủ yếu. Trong thực tế cứ 100 người mắc bệnh thì có đến 80 người mắc các bệnh liên quan đến nước. Vì vậy chúng ta phải hạn chế những việc làm có thể làm cho nước bị ô nhiễm.***  *+ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU HỎI VÀ DẤU CHẤM HỎI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).

**3. Thái độ**

- Hs có chú ý hơn trong việc viết văn có đặt câu hỏi.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Giấy khổ to, kẻ sẵn cột ở bài tập 1 và bút dạ.

+ Bảng phụ ghi sẵn đáp án và phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | | | | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - Mở SGK đọc thầm, dùng bút chì gạch chân dưới các câu hỏi.  - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?  2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở và dụng cụ thí nghịêm như thế?  **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  *+ Câu hỏi 1 của Xi- ô- cốp- xki tự hỏi mình.*  *+ Câu hỏi 2 là của người bạn hỏi Xi- ô- cốp- xki.*  *+ Các câu này đều có dấu chấm hỏi và có từ để hỏi: Vì sao? Như thế nào?*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi những điều mà mình chưa biết.*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi người khác hay hỏi chính mình.*  - Đọc và lắng nghe.   |  |  | | --- | --- | | **Hỏi ai** | **Dấu hiệu** | | Tự hỏi mình | - Từ :vì sao.  - Dấu chấm hỏi. | | Xi- ô- cốp- xki | - Từ: thế nào.  - Dấu chấm hỏi. |   - HS lấy VD câu hỏi để hỏi người khác và tự hỏi mình | | | **a. Nhận xét**  ***Bài 1***:  - Yêu cầu HS mở SGK/125 đọc thầm bài *Người tìm đường lên các vì sao* và tìm các câu hỏi trong bài.  ***Bài 2, 3***:  *+ Các câu hỏi ấy là của ai và để hỏi ai?*  *+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đó là câu hỏi?*  *+ Câu hỏi dùng để làm gì?*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi ai?*  - Treo bảng phụ, phân tích cho HS hiểu.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Của ai** | | 1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được | Xi- ô- cốp- xki | | 2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách và dụng cụ thí nghiệm như thế? | Một người bạn. |   ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. | | |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành:** | | | | | |
| - 1 HS đọc  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp | | | ***Bài 1:*** Tìm câu hỏi trong bài “ Thưa chuyện với mẹ, Hai bàn tay”.  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.  - Kết luận về lời giải đúng. | | |
| TT | Câu hỏi | Câu hỏi của ai | | Để hỏi ai | Từ nghi vấn |
| 1 | ***Bài thưa chuyện với mẹ***  *Con vừa bảo gì?*  *Ai xui con thế?* | *Câu hỏi của mẹ.*  *Câu hỏi của mẹ.* | | *HỏiCương*  *Hỏi Cương* | *gì*  *thế* |
| 2 | **Bài hai bàn tay**  *Anh có yêu nước không?*  *Anh có thể giữ bí mật không?*  *Anh có muốn đi với tôi không?*  *Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền?*  *Anh sẽ đi với tôi chứ?* | *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Lê.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.* | | *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Hồ.*    *Hỏi bác Lê.* | *có … không*  *có … không*  *có … không*  *đâu*  *chứ.* |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu bài tập.  - Đọc thầm câu văn.  - 2 HS thực hành hoặc 1 HS thực hành cùng GV.  *+ Về nhà bà cụ kể lại chuyện xảy ra cho Cao Bá Quát nghe.*  *+ Bà cụ lể lại chuyện bị quan sai lính đuổi ra khỏi huyện đường.*  *+ Cao Bá Quát ân hận vì mình viết chữ xấu nên bà cụ bị đuổi ra khỏi cửa quan,* *không giải được nỗi oan ức.*  - 2 HS ngồi cùng bàn thực hành trao đổi.  - 3 đến 5 cặp HS trình bày.  - Lắng nghe.  **Cá nhân - Chia sẻ lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - HS tự đặt câu, sau đó lần lượt nói câu của mình.  + *Mình để bút ở đâu nhỉ?*  *+ Quyển sách Toán của mình đâu rồi nhỉ?*  *+ Cô này trông quen quá, hình như mình đã gặp ở đâu rồi nhỉ?*  *+ Tại sao bài này mình lại quên cách làm được nhỉ?*  - Ghi nhớ hình thức và tác dụng của câu hỏi.  - Tìm các đoạn văn, thơ, truyện trong sách có chứa câu hỏi và cho biết câu hỏi đó dùng làm gì. | | | ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu và mẫu.  - Viết bảng câu văn: *Về nhà, bà kể lại chuyện, khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận.*  - Gọi 2 HS giỏi lên thực hành hỏi – đáp mẫu hoặc GV hỏi – 1 HS trả lời.  *+ Về nhà bà cụ làm gì?*  *+ Bà cụ kể lại chuyện gì?*  *+ Vì sao Cao Bá Quát ân hận?*  - Yêu cầu HS thực hành hỏi – đáp theo cặp.  - Gọi HS trình bày trước lớp.  - Nhận xét về cách đặt câu hỏi, ngữ điệu trình bày  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự đặt câu.  - Gọi HS đọc câu mình đặt, HS khác theo dõi, nhận xét.  - Nhận xét khen HS đặt câu hay, hỏi đúng ngữ điệu.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt và trình bày câu hỏi đúng đặc điểm.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

**Tiết 65: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về bảng đơn vị đo khối lượng, cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích; nhân với số có 2 chữ số, 3 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích (cm2, dm2, m2).

- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.

- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (dòng 1), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích.Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số. Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Viết số thích hợp vào chỗ trống.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích, mối liên hệ giữa các  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2(dòng 1) (HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)***  ­- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.  - Củng cố cách nhân với số có 2, 3 chữ số, thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách tính thuận tiện, lưu ý áp dụng các tính chất: giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu).  \* Yêu cầu Hs M3+M4 thực hiện tốt cách nhân thuận tiện  ***Bài 4 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. 10kg = 1 yến 100 kg = 1 tạ  50 kg = 5 yến 300 kg = 3 tạ  80 kg = 8 yến 1200 kg = 12 tạ  b. 1000 kg = 1 tấn 10 tạ = 1 tấn  8000 kg = 8 tấn 30 tạ = 3 tấn  15 000 kg = 15 tấn 200 tạ = 20 tấn  c. 100 cm2 = 1 dm2 100 dm2 = 1 m2  800 cm2 = 8 dm2 900 dm2 = 9 m2  1700 cm2 = 17m2; 1000 dm2 = 10 m2  - HS làm cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp  - 3 em lên bảng, lớp làm bảng con.  Đ/a:  268 x 235 = 62 980  475 x 205 = 97375  45 x 12 + 8= 540 + 8 = 548    - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) 2 x 39 x 5 b) 302 x 16 + 302 x 4  = (2 x 5) x 39 = 302 x (16 + 4)  = 10 x 39 = 302 x 20  = 390 = 6 040  c) 769 x 85 – 769 x 75  = 769 x (85 – 75)  = 769 x 10  = 7 690  - HS làm vảo vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 4:  Bài giải  Đổi: 1 giờ 15 phút = 75 phút  1phút cả hai vòi nước cùng chảy được:  25 + 15 = 40 (l)  Sau 75 phút cả hai vòi nước chảy được:  40 x 75 = 3000 (l)  Đ/ s: 3000 lít nước  Bài 5:  a) S = a x a  b) Với a = 25m thì S = 25 x 25 = 625 m2  c. 2 x 250 x 50 x 8  - Ghi nhớ các KT đã ôn tập  - Giải bài 4 bằng cách 2 |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**ÔN TẬP VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện (nội dung, nhân vật, cốt truyện);

**2. Kĩ năng**

- Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn các kiến thức cơ bản về văn kể chuyện.

- HS: SGK, truyện đọc lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện. Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu trong SGK.  ***+ Đề2:*** *Em hãy kể về một câu chuyện về một tấm gương rèn luyện thân thể thuộc loại văn kể chuyện. Vì đây là kể lại một chuỗi các câu chuyện có liên quan đến tấm gương rèn luyện thân thể và câu chuyện có ý nghĩa khuyên mọi người hãy học tập và làm theo tấm gương đó.*  *+ Đề 1 thuộc loại văn viết thư vì đề bài viết thư thăm bạn.*  *+ Đề 3 thuộc loại văn miêu tả vì đề bài yêu cầu tả lại chiếc áo hoặc chiếc váy.*  - Lắng nghe.  - HS nói đề tài mình chọn.  - 2 HS cùng kể chuyện, trao đổi, sửa chữa cho nhau theo gợi ý ở bảng phụ.  - Kể lại một chuỗi sự việc có đầu, có đuôi, liên quan đến một hay một số nhân vật.  + Mỗi câu chuyện cần nói lên một điều có ý nghĩa.  - Là người hay các con vật, đồ vật, cây cối, được nhân hoá.  + Hành động, lời nói, suy nghĩ…của nhân vật nói lên tính cách nhân vật.  + Những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu góp phần nói lên tính cách, thân phận của nhân vật.  - Cốt truyện thường có 3 phần: mở đầu, diễn biến, kết thúc.  - Có 2 kiểu mở bài (trực tiếp hay gián tiếp). Có hai kiểu mở bài (mở rộng và không mở rộng)  - 3 đến 5 HS tham gia thi kể.  - Hỏi và trả lời về nội dung truyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Kể thêm câu chuyện ở đề tài bài tập 2 | ***Bài 1: Cho 3 đề bài sau:...***  - Gọi HS đọc yêu cầu.  *+ Đề nào trong các đề bài trên thuộc loại văn KC? Vì sao?*  *+ Đề 1 và đề 3 thuộc loại văn gì? Vì sao em biết?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***- Kết luận: Trong 3 đề bài trên, chỉ có đề 2 là văn kể chuyện vì khi làm về đề văn này, các em sẽ chú ý đến nhân vật, cốt truyện, diễn biến, ý nghĩa… của truyện. Nhân vật trong truyện là tấm gương rèn luyện thân thể, nghị lực và quyết tâm của nhân vật đáng được ca ngợi và noi theo.***  ***Bài 2, 3:***  - Gọi HS phát biểu về đề bài của mình chọn.  a/. Kể trong nhóm.  - Yêu cầu HS kể chuyện và trao đổi về câu chuyện theo cặp.  - GV treo bảng phụ.  ***Văn kể chuyện***  ***Nhân vật***  ***Cốt truyện***    b/.*Kể trước lớp:*  - Tổ chức cho HS thi kể.  - Khuyến khích học sinh lắng nghe và hỏi bạn theo các câu hỏi gợi ý ở bài tập 3.  - Nhận xét.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**NgưỜi dân Ở đỒng bẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết đồng bằng Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước, người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tranh ảnh mô tả nhà ở, trang phục truyền thống của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:

+ Nhà ở thường được xây dựng chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao,...

+ Trang phục truyền thống của nam là quần trắng, áo dài the, đầu đội khăn xếp; của nữ là váy đen, áo dài tứ thân bên trong mặc yếm đỏ, lưng thắt khăn lụa dài, đầu vấn tóc và chít khăn mỏ quạ.

\* HS năng khiếu: Nêu được mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người qua cách dựng nhà của người dân đồng bằng Bắc Bộ: để tránh gió, bão, nhà được dựng vững chắc.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc.

***\* GD SDNLTK &HQ:*** *Những nghề thủ công cổ truyền phát triển mạnh mẽ ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là các nghề: đúc đồng, làm đồ gốm, thủ công mĩ nghệ... các nghề này sử dụng năng lượng để tạo ra các sản phẩm trên. Vấn đề cần quan tâm giáo dục ở đây là ý thức sử dụng năng lượng khi tạo ra các sản phẩm thủ công nói trên, đồng thời giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất đồ thủ công.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về nhà ở truyền thống và nhà ở hiện nay, cảnh làng quê, trang phục, lễ hội của người dân ở ĐB Bắc Bộ

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điêu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên.*  *+ Đồng bằng có địa hình thấp, bằng phẳng, sông chảy ở đồng bằng uốn lượn quanh co.* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ ĐB Bắc Bộ do những sông nào bồi đắp nên.*  *+ Trình bày đặc điểm địa hình và sông ngòi của ĐB Bắc Bộ?*  - GV giới thiệu bài mới | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đồng bằng Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước, người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Sử dụng tranh ảnh mô tả nhà ở, trang phục truyền thống của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp**  *+ ĐB Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta.*  *+ Chủ yếu là người Kinh.*  - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp  *+ Làng với nhiều nhà quây quần bên nhau.*  *+ Nhà được xây chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao. . . .*  *+ Làng Việt cổ thường có luỹ tre bao bọc. Mỗi làng thường có. . .*  *+ Ngày nay, nhà ở và làng của của người dân Bắc Bộ có nhiều thay đổi.* . .    **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Nam mặc quần trắng, áo dài the, khăn xếp màu đen. Nữ mặc váy đen, áo dài tứ thân bên trong mặc yếm đỏ, lưng thắt ruột tượng (khăn lụa dài) chít khăn mỏ quạ.*  *+ Vào mùa xuân, để cầu cho một năm mới được mạnh khoẻ, bội thu,. .*  *+ Hoạt động tế lễ,vui chơi, giải trí (đấu cờ người, thi nấu cơm,. . .)*  *+ Hội Lim, hội Chùa Hương, Hội Gióng,. .*  - HS nối tiếp đọc ghi nhớ  - HS nêu các biện pháp tiết kiệm năng lượng, BVMT như:  + Tiết kiệm than, điện...  + Có hệ thống xử lí khói thải...  - Sưu tầm và triển lãm các tranh ảnh về người dân ở đồng bằng Bắc Bộ. | | **Hoạt động: Chủ nhân của đồng bằng:**  **-** GV cho HS dựa vào SGK trả lời các câu hỏi sau:  *+ Đồng bằng Bắc Bộ là nơi đông dân hay thưa dân?*  *+ Người dân sống ở ĐB Bắc Bộ chủ yếu là dân tộc gì?*  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cho các nhóm dựa vào SGK, tranh, ảnh thảo luận theo các câu hỏi sau:  *+ Làng của ngưòi Kinh ở ĐB Bắc Bộ có đặc điểm gì? (nhiều nhà hay ít nhà).*  *+ Nêu các đặc điểm về nhà ở của người Kinh? (nhà được làm bằng những vật liệu gì? Chắc chắn hay đơn sơ?). Vì sao nhà ở có những đặc điểm đó?*  *+ Làng Việt cổ có đặc điểm gì?*  *+ Ngày nay, nhà ở và làng xóm của người dân ĐB Bắc Bộ có thay đổi như thế nào?*  \*\*\*GV giúp HS hiểu và nắm được các ý chính về đặc điểm nhà ở và làng xóm của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ, một vài nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm đó. ***Ví dụ***: Trong một năm, ĐB Bắc Bộ có 2 mùa hạ và đông khác nhau, thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa hạ, đông là mùa xuân và thu. Mùa đông thường có gió mùa đông bắc mang theo không khí lạnh từ phương bắc thổi về, trời lạnh và ít nắng ; mùa hạ nóng,có gió mát từ biển thổi vào. Vì vậy, người dân thường làm nhà có cửa chính quay về hướng Nam để tránh gió rét và đón ánh nắng mùa đông, đón gió biển thổi vào mùa hạ. Đây là nơi hay có bão (gió rất mạnh và mưa rất lớn) làm đổ nhà cửa, cây cối nên người dân phải làm nhà kiên cố, có sức chịu đựng được bão…  **HĐ 2: Trang phục và lễ hội**  - GV cho HS dựa vào hình 2, 3, 4 và kênh chữ trong SGK và vốn hiểu biết của mình thảo luận theo gợi ý sau:  *+ Hãy mô tả về trang phục truyền thống của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ.*  *+ Người dân thường tổ chức lễ hội vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì?*  *+ Trong lễ hội có những hoạt động gì?*  *+ Kể tên một số lễ hội nổi tiếng của người dân ĐB Bắc Bộ?*  - Nêu bài học  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **Liên hệ GD SDTKNL:** Những nghề thủ công cổ truyền phát triển mạnh mẽ ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là các nghề: đúc đồng, làm đồ gốm, thủ công mĩ nghệ... các nghề này sử dụng năng lượng để tạo ra các sản phẩm trên. Vì vậy cần có ý thức sử dụng năng lượng khi tạo ra các sản phẩm thủ công nói trên, đồng thời bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất đồ thủ công.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 13**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 13

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 14

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***